

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 41

## TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

#### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Phú Cường	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Kiều Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2016)
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2016)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Phú Cường**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2016

Số: 580/2016/BCTX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 31 tháng 08 năm 2016, từ trang 04 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Phan Thanh Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2016

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 01a-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.763.265.951.304</b>	<b>1.982.289.230.465</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>207.831.570.329</b>	<b>252.609.491.417</b>
1. Tiền	111		149.990.017.078	127.289.823.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.841.553.251	125.319.668.079
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.572.777.778</b>	<b>15.320.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(680.000.000)	(680.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	10.252.777.778	14.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>512.391.958.272</b>	<b>768.496.355.065</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	410.166.991.033	655.488.805.573
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		64.835.864.620	56.850.214.040
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	38.793.770.517	57.705.874.713
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.404.667.898)	(1.548.539.261)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>867.545.192.751</b>	<b>840.806.115.546</b>
1. Hàng tồn kho	141		874.015.118.642	847.164.695.938
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.469.925.891)	(6.358.580.392)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>163.924.452.174</b>	<b>105.057.268.437</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	37.874.025.927	15.712.073.925
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		112.026.219.395	71.424.380.359
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	14.024.206.852	17.920.814.153
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.016.659.693.301</b>	<b>753.595.975.055</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>47.243.560.058</b>	<b>32.854.758.817</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	47.387.431.421	32.854.758.817
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(143.871.363)	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>761.320.968.249</b>	<b>528.959.643.979</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	724.045.179.597	498.384.823.011
- Nguyên giá	222		1.367.276.939.800	1.087.392.270.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(643.231.760.203)	(589.007.447.720)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	37.275.788.652	30.574.820.968
- Nguyên giá	228		49.905.100.853	41.326.258.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.629.312.201)	(10.751.437.613)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>435.914.016</b>	<b>279.131.296</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		435.914.016	279.131.296
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>124.762.309.413</b>	<b>114.118.264.755</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	91.216.456.028	79.272.411.370
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	33.545.853.385	34.845.853.385
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>82.896.941.565</b>	<b>77.384.176.208</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	82.822.866.730	77.310.101.373
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		74.074.835	74.074.835
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.779.925.644.605</b>	<b>2.735.885.205.520</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 01a-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>2.386.193.424.582</b>	<b>2.300.808.915.433</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.113.758.639.991</b>	<b>2.163.912.268.403</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	348.719.781.619	295.153.289.744
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		111.047.603.352	43.869.006.152
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	13.922.846.972	25.136.691.574
4. Phải trả người lao động	314		178.929.710.542	257.360.268.343
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	32.370.915.014	38.344.750.198
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	888.422.844	2.215.839.794
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	68.094.910.858	46.762.455.659
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	1.303.663.669.740	1.400.310.126.343
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		29.770.600.537	29.144.918.195
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		26.350.178.513	25.614.922.401
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>272.434.784.591</b>	<b>136.896.647.030</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	1.227.094.905	1.496.498.790
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.15	21.358.915.446	15.259.492.405
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	28.943.182.174	35.629.182.174
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.17	220.905.592.066	84.511.473.661
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>393.732.220.023</b>	<b>435.076.290.088</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>393.732.220.023</b>	<b>435.076.290.088</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		47.329.316.466	46.905.955.386
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.494.154.136	100.131.461.522
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		102.908.749.421	106.038.873.180
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.779.925.644.605</b>	<b>2.735.885.205.520</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Phùng Thị Quế Thanh

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 02a-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	2.038.839.961.846	1.763.357.331.366
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.599.895.950	7.681.411.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	2.030.240.065.896	1.755.675.919.806
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	1.639.138.462.054	1.437.373.180.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		391.101.603.842	318.302.739.598
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	19.855.766.146	12.187.856.165
7. Chi phí tài chính	22	5.22	28.813.470.515	30.785.234.381
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.299.298.219	16.266.902.743
8. Phần lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		4.697.002.876	7.442.178.646
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	137.535.368.194	117.088.757.373
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	217.152.189.625	133.520.422.209
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		32.153.344.530	56.538.360.446
12. Thu nhập khác	31	5.25	9.551.969.291	3.838.760.412
13. Chi phí khác	32	5.25	4.093.146.537	3.878.515.156
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		5.458.822.754	(39.754.744)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		37.612.167.284	56.498.605.702
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		10.365.805.428	7.853.051.935
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		27.246.361.856	48.645.553.767
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		26.162.380.328	46.376.125.653
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.083.981.528	2.269.428.114
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	1.119	2.229

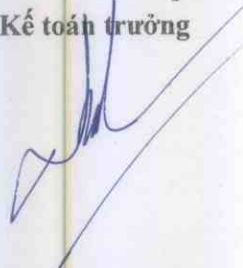
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Phùng Thị Quế Thanh

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 03a-DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	37.612.167.284	56.498.605.702
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	54.979.637.472	48.543.073.027
- Các khoản dự phòng	3	737.027.841	307.551.063
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	653.141.098
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(3.588.890.132)	(5.374.648.110)
- Chi phí lãi vay	6	22.299.298.219	16.266.902.743
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	112.039.240.684	116.894.625.523
- Tăng các khoản phải thu	9	210.743.333.693	(146.179.766.353)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(26.850.422.704)	(237.314.304.382)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(100.318.298.734)	133.905.963.129
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(27.674.717.359)	(5.278.731.839)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.299.298.219)	(16.266.902.743)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.880.536.500)	(8.397.722.108)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.444.490.038)	(54.311.065)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>125.314.810.823</i>	<i>(162.691.149.838)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(37.212.148.669)	(39.039.396.674)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	472.915.309	1.147.909.056
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.747.222.222	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.600.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.300.000.000	1.350.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.754.243.386	4.482.495.349
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(35.537.767.752)</i>	<i>(32.058.992.269)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.665.120.901.708	1.504.588.768.271
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.744.694.176.062)	(1.200.346.010.216)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(54.981.689.805)	(53.750.386.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(134.554.964.159)</i>	<i>250.492.371.855</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>(44.777.921.088)</i>	<i>55.742.229.748</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	252.609.491.417	121.505.491.954
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	207.831.570.329	177.247.721.702

Người lập

*[Signature]*

Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

# TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09a-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.416.571	14.165.710.000	7,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.694.307	116.943.070.000	64,26%
<b>Tổng</b>	<b>18.200.000</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm dệt;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp*****Danh sách các Công ty con được hợp nhất***

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Lai
Địa chỉ	: Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, Yên Đỗ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Đà Lạt
Địa chỉ	: Số 9, Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 55%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 55%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Định
Địa chỉ	: Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,84%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,84%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May An Nhơn
Địa chỉ	: Số 71 Nguyễn Đình Chiểu, P.Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 64,65%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Tam Quan
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 70%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 70%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)*****Danh sách các Công ty con được hợp nhất (Tiếp)***

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 204 Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,00 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,00 %
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Hậu Giang - Nhà Bè
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 77,00 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 77,00 %
Ngày mua	: 25/01/2016
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Phúc
Địa chỉ	: 48 Đường Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,00 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,00 %
Ngày mua	: 26/02/2016

***Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất***

Tên Công ty	: Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 28,58%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 28,58%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 33,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 33,19%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May 9 - Nam Định
Địa chỉ	: Số 215, Hàng Thao, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 34,33 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 34,33 %
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè
Địa chỉ	: 139 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Bất Động sản Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)***Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp)*

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 29,99%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 29,99%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Sông Tiền
Địa chỉ	: Ấp Bình Tạo, Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 43,89%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 43,89%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC
Địa chỉ	: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 37,6 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 37,6 %
Tên Công ty	: Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa
Địa chỉ	: Lô A8, Cụm Công nghiệp La Hà, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 25%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 25%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương mại Bán lẻ Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%

**Các đơn vị phụ thuộc**

- Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát
- Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bào Lộc
- Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang
- Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum
- Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định
- Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc
- Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Tổng Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

**2. NĂM TÀI CHÍNH/KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính/Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp)**

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/06/2016.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/06/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền****Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:**

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

**Tài sản cố định vô hình**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Công cụ tài chính (Tiếp)****Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	7.063.953.831	9.570.529.390
Tiền gửi ngân hàng	142.926.063.247	117.719.293.948
Các khoản tương đương tiền (*)	57.841.553.251	125.319.668.079
<b>Tổng</b>	<b>207.831.570.329</b>	<b>252.609.491.417</b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**5.2 Chứng khoán kinh doanh***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	2.000.000.000	1.320.000.000	(680.000.000)	2.000.000.000	1.320.000.000	(680.000.000)
Tổng giá trị cổ phiếu:						
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	2.000.000.000	1.320.000.000	(680.000.000)	2.000.000.000	1.320.000.000	(680.000.000)

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>10.252.777.778</b>	<b>10.252.777.778</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>
Ngắn hạn	10.252.777.778	10.252.777.778	14.000.000.000	14.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.252.777.778	10.252.777.778	14.000.000.000	14.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>10.252.777.778</b>	<b>10.252.777.778</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

**5.4 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>410.166.991.033</b>	<b>655.488.805.573</b>
DESIPRO PTE.LTD	18.575.437.335	76.166.704.258
MOTIVES	39.225.508.077	162.625.477.173
ASDA	-	5.755.359.457
WE EUROPE	2.815.690.967	6.061.029.217
JP GLOBAL	1.379.213.365	8.789.905.008
H&M	-	14.154.092.560
JC PENNY	9.204.653.009	12.589.820.830
ARCADIA	4.803.264.133	8.437.458.337
BMB CLOTHING GROUP	15.484.610.980	18.898.535.568
Phải thu các đối tượng khác	318.678.613.168	342.010.423.165
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>410.166.991.033</b>	<b>655.488.805.573</b>

**5.5 Phải thu khác**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>38.793.770.517</b>	<b>-</b>	<b>57.705.874.713</b>	<b>-</b>
- Phải thu bảo hiểm xã hội	2.300.598.206	-	2.850.889.069	-
- Phải thu bán nguyên phụ liệu	10.806.718.913	-	11.191.241.000	-
- Thuế GTGT được hoàn	-	-	2.509.747.911	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Hậu Giang	-	-	17.423.175.750	-
- Phải thu tạm ứng	7.440.523.364	-	8.477.929.606	-
- Thuế GTGT chưa kê khai	2.808.592.042	-	905.077.220	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.811.078.881	-	153.197.890	-
- Phải thu khác	12.626.259.111	-	14.194.616.267	-
<b>Dài hạn</b>	<b>47.387.431.421</b>	<b>-</b>	<b>32.854.758.817</b>	<b>-</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.118.659.156	-	2.426.132.667	-
- Công ty Cổ phần May Phù Cát	10.144.440.000	-	10.144.440.000	-
- Mua đất dự án Long Thới	33.296.286.150	-	20.284.186.150	-
- Phải thu khác	1.828.046.115	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>86.181.201.938</b>	<b>-</b>	<b>90.560.633.530</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	316.684.861.454	(3.388.164.381)	341.554.373.241	(3.388.164.381)
Công cụ, dụng cụ	2.194.847.243	-	2.196.499.308	-
Chi phí SX KDDD	286.244.032.731	(721.000.000)	246.960.274.461	(721.000.000)
Thành phẩm	194.992.797.810	(1.209.152.272)	184.429.530.120	(1.097.806.773)
Hàng hóa	13.285.045.236	(140.659.170)	10.339.722.282	(140.659.170)
Hàng gửi bán	60.613.534.168	(1.010.950.068)	61.684.296.526	(1.010.950.068)
<b>Tổng</b>	<b>874.015.118.642</b>	<b>(6.469.925.891)</b>	<b>847.164.695.938</b>	<b>(6.358.580.392)</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>37.874.025.927</b>	<b>15.712.073.925</b>
Chi phí bảo hiểm	1.509.328.937	2.020.552.115
Chi phí CCDC	24.007.404.097	6.896.296.374
Máy móc thiết bị	-	16.542.262
Phân bổ phụ tùng	906.594.798	376.469.858
Chi phí quảng cáo	770.045.355	948.490.354
Chi phí sửa chữa	814.884.850	864.179.168
Chi phí thuê mặt bằng	3.966.209.343	3.441.380.030
Tiền thuê đất	181.240.295	74.426.761
Chi phí hội nghị khách hàng	4.023.970.766	-
Khác	1.694.347.486	1.073.737.003
<b>b) Dài hạn</b>	<b>82.822.866.730</b>	<b>77.310.101.373</b>
Chi phí thuê đất	28.852.477.333	29.557.532.925
Chi phí CCDC	31.348.256.427	22.964.457.267
Chi phí quảng cáo	127.590.000	201.676.665
Chi phí sửa chữa	8.140.461.657	7.787.691.207
Chi phí phụ tùng	2.322.621.402	1.645.269.611
Tài sản giảm theo thông tư 45	530.105.526	945.745.626
Máy móc thiết bị	4.258.594.495	4.917.110.131
Chi phí đào tạo nhân viên	5.381.269.090	4.000.000.000
Chi phí chờ phân bổ	-	704.993.556
Khác	1.861.490.800	4.585.624.385
<b>Tổng</b>	<b>120.696.892.657</b>	<b>93.022.175.298</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	479.883.701.811	549.257.418.537	42.004.043.310	13.459.213.916	2.787.893.157	1.087.392.270.731
Tăng trong kỳ	118.762.077.632	156.606.176.399	4.969.822.182	933.795.284	333.440.551	281.605.312.048
Mua trong kỳ	80.491.852.980	67.013.259.748	3.966.794.909	933.795.284	333.440.551	152.739.143.472
Xây dựng cơ bản hoàn thành	25.424.069.172	-	-	-	-	25.424.069.172
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Hậu Giang	1.533.304.407	60.816.697.803	1.003.027.273	-	-	63.353.029.483
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Gia Phúc	11.312.851.073	28.776.218.848	-	-	-	40.089.069.921
Giảm trong kỳ	-	1.224.952.312	495.690.667	-	-	1.720.642.979
Thanh lý nhượng bán	-	942.952.312	495.690.667	-	-	1.438.642.979
Giảm khác	-	282.000.000	-	-	-	282.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>598.645.779.443</b>	<b>704.638.642.624</b>	<b>46.478.174.825</b>	<b>14.393.009.200</b>	<b>3.121.333.708</b>	<b>1.367.276.939.800</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	180.965.064.065	369.462.356.793	26.296.812.207	10.492.298.805	1.790.915.850	589.007.447.720
Tăng trong kỳ	15.858.520.519	36.486.132.943	2.338.268.532	636.190.508	483.270.647	55.802.383.149
Khấu hao trong kỳ	15.505.499.631	34.278.352.019	2.314.668.321	636.190.508	483.270.647	53.217.981.126
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Gia Phúc	353.020.888	2.207.780.924	-	-	-	2.560.801.812
Tăng khác	-	-	23.600.211	-	-	23.600.211
Giảm trong kỳ	-	1.012.538.247	541.932.208	23.600.211	-	1.578.070.666
Thanh lý nhượng bán	-	777.599.058	495.690.667	-	-	1.273.289.725
Giảm khác	-	234.939.189	46.241.541	23.600.211	-	304.780.941
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>196.823.584.584</b>	<b>404.935.951.489</b>	<b>28.093.148.531</b>	<b>11.104.889.102</b>	<b>2.274.186.497</b>	<b>643.231.760.203</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2016	298.918.637.746	179.795.061.744	15.707.231.103	2.966.915.111	996.977.307	498.384.823.011
Tại ngày 30/06/2016	401.822.194.859	299.702.691.135	18.385.026.294	3.288.120.098	847.147.211	724.045.179.597



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Quyền phát hành, giấy phép, giấy nhượng quyền	Công thức, pha chế thiết kế, kiểu mẫu	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	2.290.846.452	22.861.145.170	12.323.741.389	2.333.573.820	1.516.951.750	41.326.258.581
Tăng trong kỳ	7.701.586.272	-	-	-	877.256.000	8.578.842.272
Mua mới trong kỳ	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Tăng do hợp nhất Cổ phần May Gia Phúc	-	-	-	-	221.250.000	221.250.000
Tăng do hợp nhất công ty May Hậu Giang	7.701.586.272	-	-	-	556.006.000	8.257.592.272
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>9.992.432.724</b>	<b>22.861.145.170</b>	<b>12.323.741.389</b>	<b>2.333.573.820</b>	<b>2.394.207.750</b>	<b>49.905.100.853</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	277.793.132	5.678.213.917	2.351.068.702	1.523.343.577	921.018.285	10.751.437.613
Tăng trong kỳ	213.404.621	1.133.483.520	262.147.242	116.678.694	152.160.511	1.877.874.588
Khấu hao trong kỳ	117.644.712	1.133.483.520	262.147.242	116.678.694	131.702.178	1.761.656.346
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Gia Phúc	-	-	-	-	20.458.333	20.458.333
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Hậu Giang	95.759.909	-	-	-	-	95.759.909
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>491.197.753</b>	<b>6.811.697.437</b>	<b>2.613.215.944</b>	<b>1.640.022.271</b>	<b>1.073.178.796</b>	<b>12.629.312.201</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2016	2.013.053.320	17.182.931.253	9.972.672.687	810.230.243	595.933.465	30.574.820.968
Tại 30/06/2016	9.501.234.971	16.049.447.733	9.710.525.445	693.551.549	1.321.028.954	37.275.788.652

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên Công ty	30/06/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư trái phiếu</b>	<b>2.790.240.000</b>	<b>2.790.240.000</b>	-	<b>2.790.240.000</b>	<b>2.790.240.000</b>	-
Công ty CP May An Nhơn	790.240.000	790.240.000	-	790.240.000	790.240.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất TM DV Hưng Phát	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
<b>Đầu tư khác</b>	<b>30.755.613.385</b>	<b>30.755.613.385</b>	-	<b>32.055.613.385</b>	<b>32.055.613.385</b>	-
Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)	3.747.100.000	3.747.100.000	-	3.747.100.000	3.747.100.000	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	5.802.843.385	5.802.843.385	-	5.802.843.385	5.802.843.385	-
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	7.161.920.000	7.161.920.000	-	7.161.920.000	7.161.920.000	-
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	3.480.000.000	3.480.000.000	-	3.480.000.000	3.480.000.000	-
Công ty CP May Nam Định	1.338.750.000	1.338.750.000	-	1.338.750.000	1.338.750.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Lagi	1.000.000.000	1.000.000.000	-	2.300.000.000	2.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - TM - DV Hưng Phát	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư An Phát	4.225.000.000	4.225.000.000	-	4.225.000.000	4.225.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>33.545.853.385</b>	<b>33.545.853.385</b>	-	<b>34.845.853.385</b>	<b>34.845.853.385</b>	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.11 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		30/06/2016 (VND)		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Lãi/lỗ lũy kế đầu tư LD-LK
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>70.861.989.920</b>	<b>91.216.456.028</b>	<b>20.354.466.108</b>
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	33,19%	9.223.819.263	11.334.907.958	2.111.088.695
Công ty CP May Nam Định	34,33%	34,33%	3.889.170.657	7.762.006.840	3.872.836.183
Công ty CP Đầu Tư Nhà Bè	28,58%	28,58%	3.429.000.000	4.968.204.426	1.539.204.426
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	1.500.000.000	5.117.115.265	3.617.115.265
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%	30,00%	9.000.000.000	8.444.148.646	- 555.851.354
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	3.000.000.000	4.902.668.872	1.902.668.872
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	15.360.000.000	30.608.706.245	15.248.706.245
Công ty Cổ phần Truyền thông & Du lịch NBC	37,60%	37,60%	13.460.000.000	10.041.201.920	- 3.418.798.080
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	25,00%	7.500.000.000	4.796.700.006	- 2.703.299.994
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	30,00%	30,00%	4.500.000.000	3.240.795.850	- 1.259.204.150
<b>Tổng</b>			<b>70.861.989.920</b>	<b>91.216.456.028</b>	<b>20.354.466.108</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.12 Phải trả người bán**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>348.719.781.619</b>	<b>348.719.781.619</b>	<b>295.153.289.744</b>	<b>295.153.289.744</b>
Motives (Far East) Ltd.	19.111.132.421	19.111.132.421	13.347.859.645	13.347.859.645
Công ty TNHH Coats Phong Phú	7.147.557.131	7.147.557.131	12.816.655.224	12.816.655.224
Công ty CP SX TM DV Hưng Phát	6.193.210.476	6.193.210.476	10.873.167.692	10.873.167.692
Công ty TNHH May XK Việt Thành	-	-	10.217.121.782	10.217.121.782
Công ty CP May Tây Sơn	7.037.858.701	7.037.858.701	10.054.160.258	10.054.160.258
Kufner Hong Kong LTD.	9.243.427.954	9.243.427.954	-	-
SHANGHAI WEISHI MACHINERY CO., LTD	9.703.314.223	9.703.314.223	-	-
Nataka Corporate Private Ltd.	19.424.934.096	19.424.934.096	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	270.858.346.617	270.858.346.617	237.844.325.143	237.844.325.143
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.227.094.905</b>	<b>1.227.094.905</b>	<b>1.496.498.790</b>	<b>1.496.498.790</b>
Công ty CP DV Dầu Khí Sài Gòn (SPSC)	-	-	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư TM và DV Hà Anh	159.664.450	159.664.450	109.970.850	109.970.850
Công ty TNHH MTV TM Thời Trang Dệt May Việt Nam	-	-	607.833.224	607.833.224
Công Ty TNHH MTV XD SX TM DV T.A.T	18.844.375	18.844.375	46.822.875	46.822.875
Công ty TNHH Vải Sợi & Thời Trang Kim Vũ	-	-	68.071.500	68.071.500
Công ty TNHH Xây Dựng TTNT Trường Tín	-	-	34.984.783	34.984.783
Công ty Xây lắp 1	234.364.068	234.364.068	234.364.068	234.364.068
Công ty TNHH SX - TMDV Nam Thành	24.097.482	24.097.482	24.097.482	24.097.482
Embisphene	37.962.000	37.962.000	37.962.000	37.962.000
The Sewing machine Company Ltd	53.947.720	53.947.720	53.947.720	53.947.720
Phải trả các nhà cung cấp khác	698.214.810	698.214.810	206.444.288	206.444.288
<b>Tổng</b>	<b>349.946.876.524</b>	<b>349.946.876.524</b>	<b>296.649.788.534</b>	<b>296.649.788.534</b>

**TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Tăng từ Công ty CP			Số đã nộp trong kỳ	30/06/2016
	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	May Gia Phúc, May Hậu Giang		
<b>Phải nộp</b>					
Thuế giá trị gia tăng	8.744.102.308	33.645.474.071	28.397.473	35.780.323.246	6.637.650.606
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	36.240.600	-	-	36.240.600	-
Thuế XNK	1.141.703.968	2.648.838.631	-	2.913.108.751	877.433.848
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.258.935.930	3.827.934.294	-	9.106.511.903	2.980.358.321
Thuế thu nhập cá nhân	3.117.769.084	3.555.067.224	11.743.336	3.983.269.133	2.701.310.511
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.786.656.000	6.952.575.640	-	10.061.839.973	677.391.667
Thuế môn bài	-	71.000.000	-	71.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	51.283.684	709.298.827	-	711.880.492	48.702.019
<b>Tổng</b>	<b>25.136.691.574</b>	<b>51.410.188.687</b>	<b>40.140.809</b>	<b>62.664.174.098</b>	<b>13.922.846.972</b>
<b>Phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng	79.894.911	79.894.911	-	-	-
Thuế XNK	15.026.155.297	3.458.351.587	-	1.539.997.680	13.107.801.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.638.083.857	6.545.802.130	-	4.774.024.597	866.306.324
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	132.640.950	132.640.950	-	-	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44.039.138	3.000.000	-	9.060.000	50.099.138
<b>Tổng</b>	<b>17.920.814.153</b>	<b>10.219.689.578</b>	<b>-</b>	<b>6.323.082.277</b>	<b>14.024.206.852</b>

**5.14 Chi phí phải trả**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>32.370.915.014</b>	<b>38.344.750.198</b>
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	8.293.032.510	11.379.206.059
Bản quyền phần mềm Microsoft	23.247.298	23.247.298
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	12.711.223.699	13.504.887.911
Hạn mục san nền mặt bằng và đường trục chính cụm công nghiệp Tam Quan	1.141.235.091	1.141.235.091
Chi phí điện, nước, vận chuyển	4.546.617.702	6.482.437.753
Chi phí lãi vay	314.105.429	84.814.567
Chi phí bảo hành	-	282.553.324
Chi phí thiết kế	424.758.691	324.091.988
Chi phí gia công	557.089.594	1.572.107.287
Chi phí khác	4.359.605.000	3.550.168.920
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>32.370.915.014</b>	<b>38.344.750.198</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.15 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>888.422.844</b>	<b>2.215.839.794</b>
Doanh thu nhận trước	888.422.844	2.215.839.794
<b>b) Dài hạn</b>	<b>21.358.915.446</b>	<b>15.259.492.405</b>
Doanh thu nhận trước	21.358.915.446	15.259.492.405
<b>Tổng</b>	<b>22.247.338.290</b>	<b>17.475.332.199</b>

**5.16 Phải trả khác**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>68.094.910.858</b>	<b>46.762.455.659</b>
Kinh phí công đoàn	8.195.186.964	5.510.342.322
Bảo hiểm xã hội	24.784.656.949	7.207.524.777
Bảo hiểm y tế	2.311.707.672	1.316.328.107
Bảo hiểm thất nghiệp	1.161.409.670	578.762.458
Phải trả khác	31.641.949.603	32.149.497.995
<i>Cố tức phải trả</i>	<i>11.461.278.243</i>	<i>9.895.941.250</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>20.180.671.360</i>	<i>22.253.556.745</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>28.943.182.174</b>	<b>35.629.182.174</b>
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	3.423.705.274	3.423.705.274
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25.519.476.900	32.205.476.900
<b>Tổng</b>	<b>97.038.093.032</b>	<b>82.391.637.833</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2016 (VND)		Trong kỳ (VND)			01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Tăng từ SDDK Công ty May Gia Phúc, May Hậu Giang		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
				Tăng	Giảm trong kỳ		
a) Vay ngắn hạn	1.303.663.669.740	1.303.663.669.740	1.597.087.907.986	40.025.334.651	1.733.759.699.240	1.400.310.126.343	1.400.310.126.343
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>1.281.316.358.806</i>	<i>1.281.316.358.806</i>	<i>1.597.087.907.986</i>	<i>40.025.334.651</i>	<i>1.730.445.726.486</i>	<i>1.374.648.842.655</i>	<i>1.374.648.842.655</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	589.482.089.620	589.482.089.620	708.304.483.113	15.344.074.949	736.608.591.292	602.442.122.850	602.442.122.850
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	111.607.794.255	111.607.794.255	173.342.801.959	19.281.700.271	256.711.335.900	175.694.627.925	175.694.627.925
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	19.408.299.041	19.408.299.041	28.270.418.061	-	76.999.340.170	68.137.221.150	68.137.221.150
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	108.844.903.364	108.844.903.364	121.551.539.108	-	167.480.604.369	154.773.968.625	154.773.968.625
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	46.335.608.798	46.335.608.798	46.929.372.998	-	36.385.296.975	35.791.532.775	35.791.532.775
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	70.431.171.232	70.431.171.232	90.844.326.088	-	70.721.657.706	50.308.502.850	50.308.502.850
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	52.983.109.884	52.983.109.884	52.983.109.884	-	-	-	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	71.043.585.000	71.043.585.000	75.246.177.044	-	26.116.589.894	21.913.997.850	21.913.997.850
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	86.508.263.989	86.508.263.989	95.861.923.077	-	141.505.270.921	132.151.611.833	132.151.611.833
Vay từ các ngân hàng Thương mại khác	119.591.176.071	119.591.176.071	203.078.286.188	-	216.922.366.914	133.435.256.797	133.435.256.797
Vay cá nhân	5.080.357.552	5.080.357.552	675.470.466	5.399.559.431	994.672.345	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>22.347.310.934</b>	<b>22.347.310.934</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.313.972.754</b>	<b>25.661.283.688</b>	<b>25.661.283.688</b>
Các ngân hàng thương mại khác	22.347.310.934	22.347.310.934	-	-	3.313.972.754	25.661.283.688	25.661.283.688

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

	30/06/2016 (VND)		Tăng từ SDDK Công ty May Gia Phúc, May Hậu Giang		Trong kỳ (VND)		01/01/2016 (VND)
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	220.905.592.066	220.905.592.066	68.032.993.722	79.295.601.505	10.934.476.822	84.511.473.661	84.511.473.661
<b>Từ 12 đến 60 tháng</b>							
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	80.307.085.552	80.307.085.552	35.976.508.207	-	517.128.982	44.847.706.327	44.847.706.327
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	7.519.745.010	7.519.745.010	2.672.911.600	-	-	4.846.833.410	4.846.833.410
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh	108.679.175.420	108.679.175.420	29.383.573.915	79.295.601.505	-	-	-
Các ngân hàng thương mại khác	24.399.586.084	24.399.586.084	-	-	10.417.347.840	34.816.933.924	34.816.933.924
<b>Tổng</b>	<b>1.524.569.261.806</b>	<b>1.524.569.261.806</b>	<b>1.665.120.901.708</b>	<b>119.320.936.156</b>	<b>1.744.694.176.062</b>	<b>1.484.821.600.004</b>	<b>1.484.821.600.004</b>



**TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>41.279.299.787</b>	<b>84.108.453.137</b>	<b>73.722.979.087</b>	<b>381.110.732.011</b>
Tăng trong năm	-	6.754.176.782	97.512.489.717	47.187.143.478	151.453.809.977
Phân phối lợi nhuận	-	2.297.823.580	-	-	2.297.823.580
Hoàn nhập quỹ về lợi nhuận	-	-	988.803.229	-	988.803.229
Lợi nhuận sau thuế	-	-	89.029.039.442	26.135.109.907	115.164.149.349
Tăng từ Công ty May Bình Thuận	-	4.456.353.202	7.494.647.046	21.052.033.571	33.003.033.819
Giảm trong năm	-	1.127.521.183	81.489.481.332	14.871.249.385	97.488.251.900
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.297.823.578	-	2.297.823.578
Khen thưởng, phúc lợi	-	-	15.495.864.709	3.916.462.199	19.412.326.908
Chia cổ tức	-	-	63.232.689.371	10.624.564.905	73.857.254.276
Mua sắm tài sản cố định	-	138.717.954	-	97.293.266	236.011.220
Hoàn nhập quỹ về lợi nhuận	-	988.803.229	-	-	988.803.229
Các khoản khác	-	-	463.103.674	232.929.015	696.032.689
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>46.905.955.386</b>	<b>100.131.461.522</b>	<b>106.038.873.180</b>	<b>435.076.290.088</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>46.905.955.386</b>	<b>100.131.461.522</b>	<b>106.038.873.180</b>	<b>435.076.290.088</b>
Tăng trong kỳ	-	503.563.800	26.162.380.328	1.083.981.528	27.749.925.656
Phân phối lợi nhuận	-	503.563.800	-	-	503.563.800
Lợi nhuận sau thuế	-	-	26.162.380.328	1.083.981.528	27.246.361.856
Giảm trong kỳ	-	80.202.720	64.799.687.714	4.214.105.287	69.093.995.721
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	503.563.800	-	503.563.800
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	7.179.746.151	-	7.179.746.151
Chia cổ tức	-	-	56.547.026.798	4.159.604.617	60.706.631.415
Mua sắm tài sản cố định	-	80.202.720	-	54.500.670	134.703.390
Giảm khác	-	-	569.350.965	-	569.350.965
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>47.329.316.466</b>	<b>61.494.154.136</b>	<b>102.908.749.421</b>	<b>393.732.220.023</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2016 VND	Tỷ lệ %	01/01/2016 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	14.165.710.000	7,78%	14.165.710.000	7,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	116.943.070.000	64,26%	116.943.070.000	64,26%
<b>Tổng</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Vốn góp tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>182.000.000.000</b>
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 30 tháng 06</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>182.000.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.500.000.000	45.500.000.000

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>18.200.000</b>	<b>18.200.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu*

**5.19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.038.839.961.846</b>	<b>1.763.357.331.366</b>
Doanh thu bán thành phẩm	2.018.086.646.951	1.756.106.196.329
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.753.314.895	7.251.135.037
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>8.599.895.950</b>	<b>7.681.411.560</b>
Giảm giá hàng bán	7.713.331.575	7.681.411.560
Chiết khấu thương mại	886.564.375	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b>2.030.240.065.896</b>	<b>1.755.675.919.806</b>

**5.20 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn bán thành phẩm	1.637.352.629.446	1.433.942.544.122
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.785.832.608	3.430.636.086
<b>Tổng</b>	<b>1.639.138.462.054</b>	<b>1.437.373.180.208</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.675.143.385	1.190.546.897
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.079.100.001	2.854.830.999
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.101.522.760	7.616.488.995
Lợi nhuận khoán	-	437.117.453
Lãi do thanh lý khoản đầu tư	-	88.871.821
<b>Tổng</b>	<b>19.855.766.146</b>	<b>12.187.856.165</b>

**5.22 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền vay	22.299.298.219	16.266.902.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.514.172.296	14.518.331.638
<b>Tổng</b>	<b>28.813.470.515</b>	<b>30.785.234.381</b>

**5.23 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên	27.941.662.758	23.787.732.670
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	3.131.415.157	2.665.885.251
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	2.373.874.597	2.020.963.992
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.143.241.588	973.282.281
Thuế, phí, lệ phí	64.022.000	54.504.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.190.233.054	78.484.828.826
Chi phí bằng tiền khác	10.690.919.040	9.101.560.144
<b>Tổng</b>	<b>137.535.368.194</b>	<b>117.088.757.373</b>

**5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	137.292.849.317	84.417.289.270
Chi phí vật liệu quản lý	6.811.419.151	4.188.139.030
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.563.393.376	2.805.894.849
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.744.396.620	7.221.280.145
Thuế phí và lệ phí	873.458.509	537.063.656
Chi phí dự phòng	662.359.982	407.265.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.708.997.700	18.267.178.992
Chi phí bằng tiền khác	25.495.314.970	15.676.310.816
<b>Tổng</b>	<b>217.152.189.625</b>	<b>133.520.422.209</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.25 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	331.401.526	859.457.928
Thanh lý nguyên vật liệu	946.836.821	1.051.289.045
Xử lý chênh lệch gia công	137.536.828	-
Thu nhập từ Tamurakoma & Co., Ltd	1.256.993.297	869.638.666
Thu nhập từ xuất nhập khẩu và giao nhận	3.033.495.000	-
Cho thuê phòng, mặt bằng	495.590.278	251.684.000
Thu nhập khác	3.350.115.541	806.690.773
<b>Tổng</b>	<b>9.551.969.291</b>	<b>3.838.760.412</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí phạt chậm nộp	283.526.255	245.266.675
Chi phí từ xuất nhập khẩu và giao nhận	2.277.040.396	2.198.464.406
Xử lý chênh lệch gia công	113.457.389	-
Các khoản khác	1.419.122.497	1.434.784.075
<b>Tổng</b>	<b>4.093.146.537</b>	<b>3.878.515.156</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>5.458.822.754</b>	<b>(39.754.744)</b>

**5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	26.162.380.328	46.376.125.653
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.802.823.172	5.801.002.652
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.359.557.156	40.575.123.001
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.119</b>	<b>2.229</b>

**5.27 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	851.622.005.553	722.384.736.419
Chi phí nhân công	670.160.104.139	570.702.414.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.979.637.472	48.543.073.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.077.129.144	318.756.260.631
Chi phí khác bằng tiền	32.987.143.565	27.595.875.458
<b>Tổng</b>	<b>1.993.826.019.873</b>	<b>1.687.982.359.790</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc 6 tháng ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch bán hàng**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	11.286.000	-
		Gia công	49.351.636	284.166.148
		Nguyên phụ liệu	60.685.378	-
		Thiết bị các loại	-	(120.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Quần áo	48.621.819	49.464.864
		Điện, nước, thuê máy	89.683.825	-
		Tiền thuê nhà	234.400.584	-
		Thiết bị các loại	-	168.109.444
		Dịch vụ bảo trì	-	86.837.902
		Phí vận chuyển	-	10.440.000
		Khác	74.276.000	1.500.000
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	6.764.000	-
		Thiết bị các loại	-	8.180.000
		Gia công	5.090.920	3.818.190
		Phí vận chuyển	-	5.129.550
		Văn phòng phẩm	-	145.090.876
		Khác	-	810.788
Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	36.184.508	-
		Tiền thuê nhà	123.780.780	-
		Gia công	-	18.300.000
		Thiết bị các loại	-	42.180.378
		Dịch vụ bảo trì	-	41.173.611
		khác	21.003.600	500.000
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Tiền thuê nhà	168.318.054	-
		Khác	8.296.000	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	25.527.433	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc 6 tháng ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch mua hàng trong kỳ (Tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Thương mại dịch vụ Nhà Bè Công ty Cổ phần May Sông Tiền Công ty Cổ Phần Truyền Thông NBC	Công ty LD, liên kết	Chi phí XNK	-	23.707.383.876
		Thiết bị các loại	-	1.818.181.818
		Khác	-	3.949.838.339
		Gia công quần áo	4.718.571.814	5.984.763.429
		Công cụ dụng cụ	-	1.184.178.046
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	-	325.125.000
		Khác	-	3.429.177.093
		Quảng cáo	-	1.002.124.000
		Sửa chữa	-	192.317.295
		Văn phòng phẩm	-	47.059.283
Công ty Cổ phần Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Phí vận chuyển	-	870.200
		CCDC	105.663.000	10.046.311.950
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	96.850.000	97.000.000
		TSCĐ	8.882.324.000	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	CCDC	30.000.000	400.802.500
		Phụ tùng	-	927.994.190
		Sửa chữa	533.353.446	1.469.717.708
		Mua nguyên vật liệu	1.373.798.460	-
		Thi công công trình	14.432.120.364	-
		Khác	-	21.457.700
Công ty CP May Phú Thịnh- Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	May gia công	4.439.960.550	4.717.919.887
		Khác	8.180.816	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc 6 tháng ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư với bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>30/06/2016 VND</b>	<b>01/01/2016 VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nhà bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	83.678.880	143.972.328
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	47.567.996	47.568.088
Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	-	198.139.435
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	19.851.480	19.985.130
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	-	2.286.890.034
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	1.466.487.322	3.523.530.552
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	269.638.270	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	708.562.030	601.028.743
Công ty TNNH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	809.399.390	344.990
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	-	1.916.980.674
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	184.777.084	125.103.668
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	98.660.066	29.435.805
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	4.355.478	4.355.478
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	20.605.617	6.181.276
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	7.354.761	7.838.501

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	207.831.570.329	252.609.491.417
Phải thu khách hàng và phải thu khác	486.465.595.467	740.279.568.482
Đầu tư tài chính dài hạn	11.572.777.778	15.320.000.000
<b>Tổng</b>	<b>705.869.943.574</b>	<b>1.008.209.059.899</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.524.569.261.806	1.484.821.600.004
Phải trả người bán và phải trả khác	446.984.969.556	379.041.426.367
Chi phí phải trả	32.370.915.014	38.344.750.198
<b>Tổng</b>	<b>2.003.925.146.376</b>	<b>1.902.207.776.569</b>

**Các loại công cụ tài chính**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.



**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro về giá**

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

Tại 30/06/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	416.814.692.477	30.170.277.079	446.984.969.556
Chi phí phải trả	32.370.915.014	-	32.370.915.014
Các khoản vay	1.303.663.669.740	220.905.592.066	1.524.569.261.806
<b>Tổng</b>	<b>1.752.849.277.231</b>	<b>251.075.869.145</b>	<b>2.003.925.146.376</b>
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	341.915.745.403	37.125.680.964	379.041.426.367
Chi phí phải trả	38.344.750.198	-	38.344.750.198
Các khoản vay	1.400.310.126.343	84.511.473.661	1.484.821.600.004
<b>Tổng</b>	<b>1.780.570.621.944</b>	<b>121.637.154.625</b>	<b>1.902.207.776.569</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	207.831.570.329	-	207.831.570.329
Phải thu khách hàng và phải thu khác	439.078.164.046	47.387.431.421	486.465.595.467
Đầu tư tài chính khác	11.572.777.778	-	11.572.777.778
<b>Tổng</b>	<b>658.482.512.153</b>	<b>47.387.431.421</b>	<b>705.869.943.574</b>
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	252.609.491.417	-	252.609.491.417
Phải thu khách hàng và phải thu khác	707.424.809.665	32.854.758.817	740.279.568.482
Đầu tư tài chính khác	15.320.000.000	-	15.320.000.000
<b>Tổng</b>	<b>975.354.301.082</b>	<b>32.854.758.817</b>	<b>1.008.209.059.899</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2015 đã được soát xét.

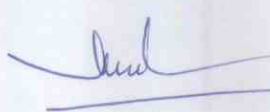
Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Tổng Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2015 như sau:

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

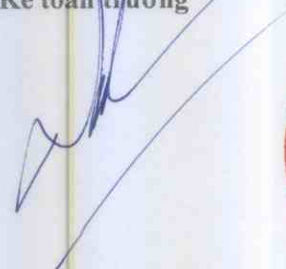
CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Chênh lệch VND
	VND (Theo Quyết định 15)	VND (Theo Thông tư 200)	
Thu nhập khác	4.127.211.540	3.838.760.412	288.451.128
Chi phí khác	4.166.966.284	3.878.515.156	288.451.128
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.548	2.229	319

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

